

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

PHẠM HỒNG HẢI

**NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ
Y TẾ CHO PHỤ NỮ NG- ỒI ĐAO VỀ KHÍA CẠNH VĂN HOÁ -
XÃ HỘI TẠI HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

THÁI NGUYÊN - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

PHẠM HỒNG HẢI

**NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ
Y TẾ CHO PHỤ NỮ NG- ỒI ĐAO VỀ KHÍA CẠNH VĂN HOÁ -
XÃ HỘI TẠI HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN**

**CHUYÊN NGÀNH: VÊ SINH XÃ HỘI HỌC VÀ TỔ CHỨC Y TÊ
MÃ SỐ: 62 72 73 15**

LUẬN ÁN TIÊN SĨ Y HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS.TS. Phạm Huy Dũng
2. GS.TS. Hoàng Khải Lập

THÁI NGUYÊN - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ
Y TẾ CHO PHỤ NỮ NG- ỒI ĐAO VỀ KHÍA CẠNH VĂN HOÁ -
XÃ HỘI TẠI HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ Y HỌC

THÁI NGUYÊN - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ Y TẾ CHO PHỤ NỮ NG- ÒI ĐAO VỀ KHÍA CẠNH VĂN HOÁ - XÃ HỘI TẠI HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

CHUYÊN NGÀNH: VÊ SINH XÃ HỘI HỌC VÀ TỔ CHỨC Y TÊ

MÃ SỐ: 62 72 73 15

LUẬN ÁN TIÊN SĨ Y HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1.
- 2.

THÁI NGUYÊN - 2011

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBYT	Cán bộ y tế
CSSK	Chăm sóc sức khỏe
CSYT	Cơ sở y tế
CSSKBD	Chăm sóc sức khỏe ban đầu
CSSKSS	Chăm sóc sức khỏe sinh sản
CBM	Community Based Monitoring (Giám sát dựa vào cộng đồng)
DVYT	Dịch vụ y tế
DS - KHHGD	Dân số - kế hoạch hoá gia đình
KCB	Khám chữa bệnh
KQ	Kết quả
NKHH	Nhiễm khuẩn hô hấp
NKĐSS	Nhiễm khuẩn đường sinh sản
NVYTTB	Nhân viên y tế thôn bản
NHS	Nữ hộ sinh
n	Số lượng
SD	Sử dụng
SKBMTE	Sức khỏe bà mẹ trẻ em
SKSS	Sức khỏe sinh sản
PKĐKKV	Phòng khám đa khoa khu vực
PRA	Participatory Rural Appraisal (Đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng)
TMH	Tai mũi họng
TYT	Trạm y tế
UBND	Ủy ban nhân dân
YTTB	Y tế thôn bản
YTCS	Y tế cơ sở
WHO	World Health Organization (Tổ chức Y tế thế giới)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe của phụ nữ và trẻ em là những vấn đề quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Phụ nữ là cốt lõi của sự phát triển kinh tế xã hội. Sức khỏe và cuộc sống của phụ nữ có ý nghĩa quan trọng đối với gia đình, bản thân và cộng đồng. Hơn thế nữa, đời sống và sức khỏe phụ nữ là yếu tố cơ bản và có ảnh hưởng trực tiếp tới thế hệ tương lai [4]. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách ưu tiên nhằm nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc sống ở vùng sâu, vùng xa cũng như đẩy mạnh sự phát triển của miền núi. Trong đó, sức khỏe của phụ nữ người dân tộc càng là vấn đề đáng quan tâm trong chiến lược chăm sóc sức khỏe nhân dân khu vực miền núi, dân tộc ít người. Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ đến nay đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhiều chỉ số cơ bản liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản đã đạt và vượt mục tiêu đề ra [9], [11], [13], [24]. Tuy nhiên, thực tế cho thấy sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực miền núi vẫn còn thấp hơn rất nhiều so với các khu vực khác của cả nước [12], [24], [65], [66]. Mức sống thấp, trình độ dân trí chưa được nâng cao, hệ thống giao thông đi lại khó khăn, điều kiện chăm sóc y tế còn thiếu thốn... là những vấn đề đang đòi hỏi cần phải có sự đầu tư hơn nữa của Chính phủ cho các dân tộc sống ở những vùng khó khăn này, trong đó có tỉnh Bắc Kạn.

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, vùng cao. Theo niên giám thống kê 2009 [8], Bắc Kạn có 295.296 người. Trên địa bàn tỉnh có 23 dân tộc, đông nhất là dân tộc Tày chiếm 54,3%; dân tộc Kinh chiếm 13,3%; dân tộc Dao chiếm 16,5%; dân tộc Nùng (5,4%) và các dân tộc khác.

Huyện Bạch Thông là một trong những huyện mang đầy đủ những nét đặc trưng của tỉnh Bắc Kạn. Huyện Bạch Thông gồm 1 thị trấn và 16 xã. Tại đây, người Dao sống tập trung ở một số xã vùng cao như: xã Đôn Phong,

Dương Phong, Cao Sơn... Bên cạnh những tiến bộ đáng kể thì nơi đây vẫn còn tồn tại nhiều các tập quán văn hoá lạc hậu có ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ đặc biệt là sức khoẻ phụ nữ và trẻ em như: Bói cúng ma khi ốm đau, tự mua thuốc chữa bệnh, đẻ ở nhà không có nhân viên y tế giúp, kiêng khem khi sinh đẻ, tâm lý muốn sinh nhiều con... Đồng thời, hệ thống chăm sóc y tế vừa thiếu, vừa yếu chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Khoảng cách xa trạm y tế, đường giao thông khó khăn, thiếu phương tiện thông tin liên lạc, kém hiểu biết... cũng phần nào ảnh hưởng đến việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế của người dân.

Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu và đánh giá từng khía cạnh về tình trạng sức khoẻ, bệnh tật của người dân tộc thiểu số [2], [5], [9], [11], nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về những yếu tố liên quan đến dịch vụ y tế cho người Dao nói chung và cho phụ nữ người Dao nói riêng trên một số khía cạnh văn hoá - xã hội. Việc phân tích những ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, xã hội đến dịch vụ y tế của người Dao nói chung và của phụ nữ người Dao nói riêng là thực sự cần thiết nhằm góp phần tìm ra giải pháp bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ cho phụ nữ dân tộc thiểu số. Chính vì vậy, đề tài này được tiến hành nhằm các mục tiêu:

1. Mô tả và phân tích nhu cầu, thực trạng cung cấp và sử dụng dịch vụ y tế của phụ nữ người Dao trên một số khía cạnh văn hoá, dân tộc và xã hội tại một số xã thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến cung cấp và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ bà mẹ hiện có tại địa phương.

Chương 1 TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Định nghĩa văn hóa

Văn hóa là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người. Do vị trí của văn hoá trong đời sống nên văn hoá đã được nhiều người quan tâm nghiên cứu và đưa ra hàng trăm định nghĩa về văn hoá [3], [40], [44], [47].

Văn hóa trong tiếng Hán được hiểu là những hình xăm trên cơ thể, qua đó người khác nhìn vào để nhận biết và phân biệt mình với người khác, biểu thị sự quy nhập vào thần linh và các lực lượng bí ẩn của thiên nhiên, chiếm lĩnh quyền lực siêu nhiên.

Theo ngôn ngữ của phương Tây, từ tương ứng với văn hóa của tiếng Việt (culture trong tiếng Anh và tiếng Pháp, kultur trong tiếng Đức,...) có nguồn gốc từ các dạng của động từ Latin colere là colo, colui, cultus với hai nghĩa: (1) giữ gìn, chăm sóc, tạo dựng trong trồng trọt; (2) cầu cúng.

Trong cuộc sống hàng ngày, văn hóa thường được hiểu là văn học, nghệ thuật như thơ ca, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh... Các “trung tâm văn hóa” có ở khắp nơi chính là cách hiểu này. Một cách hiểu thông thường khác: văn hóa là cách sống bao gồm phong cách ẩm thực, trang phục, cư xử và cả đức tin, tri thức... Vì thế chúng ta nói một người nào đó là văn hóa cao, có văn hóa, văn hóa thấp hoặc vô văn hóa.

Trong nhân loại học và xã hội học, khái niệm văn hóa được đề cập đến theo một nghĩa rộng nhất. Văn hóa bao gồm tất cả mọi thứ vốn là một bộ phận trong đời sống con người. Văn hóa không chỉ là những gì liên quan đến tinh thần mà bao gồm cả vật chất.

Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau [40]:
“Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người

trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin”.

Tóm lại, văn hoá gắn bó hữu cơ với con người, là sản phẩm hoạt động của con người hay nói cách khác: Văn hoá vừa là vật chất, vừa là tinh thần, vừa mang tính chất xã hội lại vừa có tư cách cá nhân. Chúng ta cũng có thể hiểu một khía cạnh của văn hóa đó là những phong tục, tập quán, thói quen, nếp sống của con người được hình thành, tồn tại và phát triển trong đời sống của con người. Các thành tố của văn hoá bao gồm 9 nội dung cơ bản: Ngôn ngữ, ăn uống, ở, mặc, tín ngưỡng, lễ hội, văn nghệ dân gian, tri thức dân gian và các phong tục tập quán khác (ma chay, cưới xin, vào nhà mới, chữa bệnh, dòng họ, gia đình...) [40].

1.1.2. Khái niệm phong tục tập quán

Phong tục, tập quán là một khái niệm phức tạp, theo từ điển tiếng Việt thì phong tục tập quán được định nghĩa [84]: *“Những thói quen đã được mọi người tuân thủ tại một địa phương trong một hoàn cảnh bắt buộc phải chấp nhận lễ thói ấy như một phần luật pháp của địa phương”*. Như vậy, phong tục, tập quán thực chất là những qui tắc xử sự mang tính cộng đồng, phản ánh nguyện vọng qua nhiều thế hệ của toàn thể dân cư trong một cộng đồng tự quản (làng, xã, khu vực). Các qui tắc này được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội nói chung, quan hệ hôn nhân và gia đình nói riêng mang tính tộc người hoặc mang tính khu vực.

“Tục lệ” là những tập quán có tính chất xã hội được nêu lên thành nghi thức, có thể lệ, có tiêu chuẩn bắt buộc, truyền miệng hay thành văn, được dư luận xã hội rộng rãi thừa nhận, ủng hộ, bảo vệ và yêu cầu mọi người tuân thủ [31].

1.1.3. Khái niệm dân tộc, quốc gia dân tộc, dân tộc thiểu số

Trong tiếng Việt cũng như trong ngôn ngữ của nhiều dân tộc trên thế giới, thuật ngữ *dân tộc* và thuật ngữ *Quốc gia dân tộc* chỉ rõ hai khái niệm, hai phạm trù riêng biệt. *Quốc gia dân tộc* mang tính lãnh thổ, chính trị, Nhà nước; còn *dân tộc* lại mang tính lịch sử cộng đồng ngôn ngữ, văn hóa tự nhiên. Một quốc gia có thể có một hay nhiều dân tộc sinh sống. Trái lại, một dân tộc cũng có thể phân bố trên lãnh thổ nhiều quốc gia [79].

Việt Nam là một nước có nhiều dân tộc. Theo từ điển tiếng Việt, dân tộc được định nghĩa: “*Cộng đồng người hình thành trong lịch sử có chung một lãnh thổ, các quan hệ kinh tế, một ngôn ngữ văn học và một số đặc trưng văn hoá và tính cách*” [74].

Thuật ngữ dân tộc thiểu số, dân tộc ít người, dân tộc dân số ít là dựa trên sự so sánh tỷ lệ dân số của từng dân tộc trong mỗi nước để gọi. Ở Việt Nam, tộc người Việt (dân tộc Kinh) chiếm 82,6% dân số cả nước. Trừ dân tộc Kinh, các dân tộc còn lại được coi là dân tộc thiểu số.

1.1.4. Một số thuật ngữ khác

Dịch vụ [81]: Dịch vụ được hiểu là những thứ tương tự như hàng hóa nhưng phi vật chất, gồm các tính chất sau:

- Tính đồng thời: Sản xuất và tiêu dùng dịch vụ xảy ra đồng thời;
- Tính không thể tách rời: Sản xuất và tiêu dùng dịch vụ không thể tách rời. Thiếu mặt này thì sẽ không có mặt kia;
- Tính chất không đồng nhất: Không có chất lượng đồng nhất;
- Vô hình: Không có hình hài rõ rệt. Không thể thấy trước khi tiêu dùng;
- Không lưu trữ được: Không lập kho để lưu trữ như hàng hóa được.

Dịch vụ y tế [93]: Dịch vụ y tế là một dịch vụ khá đặc biệt. Về bản chất, dịch vụ y tế bao gồm các hoạt động được thực hiện bởi nhân viên y tế như khám, chữa bệnh phục vụ bệnh nhân và gia đình.

1.2. Một số đặc điểm văn hóa - xã hội dân tộc Dao liên quan đến sức khỏe

1.2.1. Ngôn ngữ

Tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao. Ngôn ngữ giao tiếp khá thống nhất giữa các nhóm Dao. Do ngôn ngữ văn chương mượn chữ Hán cấu tạo sắp xếp lại và gần như khác hẳn với ngôn ngữ giao tiếp nên số lượng người thông thạo ngôn ngữ văn chương không nhiều [78]. Do đặc thù về ngôn ngữ, nên trong quá trình giao tiếp các cán bộ y tế gặp rất nhiều khó khăn do bất đồng ngôn ngữ.